

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tăng gần 19 điểm trong phiên hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,241.44 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bán lẻ dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Bất động sản. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Đà hồi phục theo mô hình chữ V của VN-Index chứng lại trước ngưỡng kháng cự 1,240 với cây nến thân nhỏ và thanh khoản sụt giảm. Trong những phiên giao dịch tới, hành trình tăng điểm của VN-Index có thể sẽ đi kèm những phiên rung lắc.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 14/04/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+18.98** điểm, đóng cửa tại **1241.44** điểm. HNX-Index **+1.66** điểm, đóng cửa tại **215** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+4.32)**, **VHM (+3.82)**, **HPG (+1.65)**, **MWG (+1.36)**, **HVN (+1.11)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.98)**, **SSB (-0.54)**, **VNM (-0.29)**, **VPB (-0.28)**, **LPB (-0.24)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **22,285** tỷ đồng, giảm **-40.25%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 24,180 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 16.88 điểm. Thị trường có **311** mã tăng, 48 mã tham chiếu, **179** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-114.57** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-194.13 tỷ)**, **HCM (-124.42 tỷ)**, **VNM (-118.17 tỷ)**, **GMD (-110.72 tỷ)**, **SHB (-97.33 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-103.21** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.99%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - MWG (+6.99%)**
 - DCM (+6.94%)** ([Link báo cáo](#))
 - DGC (+6.94%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **+2.54%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - VHC (+6.94%)** ([Link báo cáo](#))
 - VGC (+6.92%)**
 - VIC (+6.91%)**

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.99%	2.54%	1.55%	1.22%
1 tuần	-1.12%	-1.62%	2.54%	3.54%
1 tháng	-13.65%	-13.56%	-6.39%	-4.41%
3 tháng	-9.88%	-6.58%	1.01%	2.84%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,241.44	215.00	91.76
% 1D	1.55%	0.78%	-1.60%
GTGD (tỷ VND)	22,285	1,466	604
%1D	-40.25%	-32.16%	-45.57%
GDNN (tỷ VND)	-114.57	-103.21	-87.13

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	297.88	FPT	-194.13
ACB	160.00	HCM	-124.42
VHM	150.86	VNM	-118.17
MWG	98.39	GMD	-110.72
VIC	90.12	SHB	-97.33

Thị trường thế giới

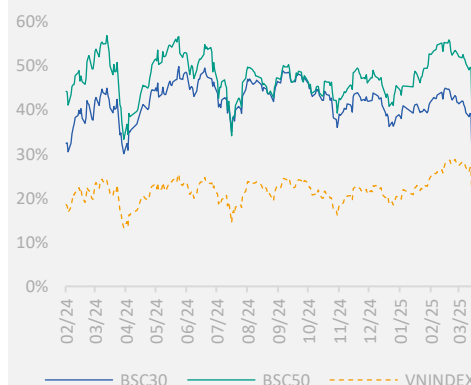
	%D	%W	
SPX	5,363	1.81%	5.70%
FTSE100	8,114	1.88%	5.35%
Eurostoxx	4,899	2.33%	3.28%
Shanghai	3,263	0.76%	5.37%
Nikkei	33,982	1.18%	9.23%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	65.11	0.54%
Giá vàng	3,222	-0.68%
Tỷ giá		
USD/VND	26,000	0.31%
EUR/VND	30,189	1.39%
JPY/VND	185	1.09%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	-0.04%
LS LNH 1M	4.3%	

Nguồn: BSC tổng hợp

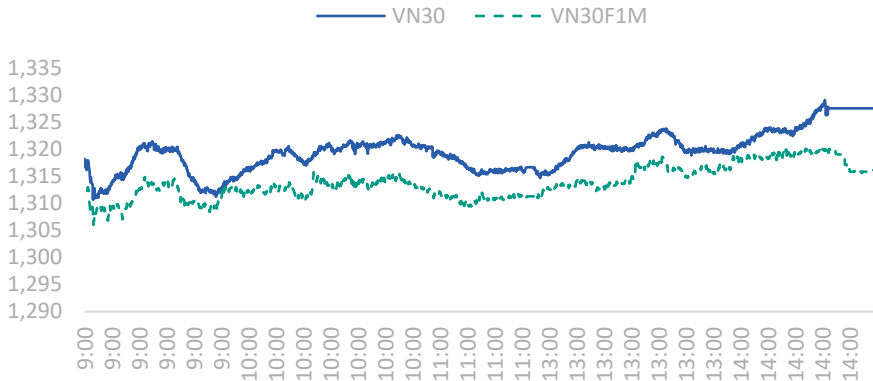
Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday


Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1324.90	0.76%	172	-68.8%	9/18/2025	157
VN30F2504	1317.00	0.77%	215,798	-35.5%	4/17/2025	3
VN30F2505	1320.00	0.76%	3,776	-5.7%	5/15/2025	31
VN30F2506	1321.50	0.72%	206	-79.0%	6/19/2025	66

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +15.93 điểm, đóng cửa tại 1325.87 điểm. Biên độ dao động 18.43 điểm. Các cổ phiếu như VIC, MWG, VHM, HPG, MSN tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 duy trì được sắc xanh từ khi mở cửa. Thanh khoản thị trường nằm quanh ngưỡng MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới trong bối cảnh tín hiệu xác định xu hướng lên bền vững vẫn chưa thực sự rõ ràng. Rủi ro hiện hữu từ các thị trường quốc tế khiến nhà đầu tư cần tiếp tục giữ cảnh giác.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm. Xét về vị thế mở, tất cả các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVRE2405	4/28/2025	14	511,900	-83.35%	1.90	740	105.6%	9.20	3.38	20.30	20.30
CVHM2407	4/28/2025	14	954,400	-77.24%	4.90	2,030	82.9%	13.08	13.02	57.20	57.20
CMSN2501	6/26/2025	73	127,600	-85.33%	7.20	200	53.8%	6.61	8.80	60.00	60.00
CVHM2504	6/30/2025	77	91,600	-71.21%	4.45	6,010	44.5%	26.40	16.47	57.20	57.20
CVHM2411	6/30/2025	77	41,300	-74.47%	5.06	1,910	40.4%	10.44	14.61	57.20	57.20
CVRE2410	6/30/2025	77	256,000	-83.50%	2.19	290	38.1%	4.53	3.35	20.30	20.30
CVHM2406	7/28/2025	105	77,700	-73.78%	5.00	2,500	37.4%	13.07	15.00	57.20	57.20
CSTB2505	10/9/2025	178	100,400	-75.05%	4.00	1,810	37.1%	11.30	9.43	37.80	37.80
CMWG2505	10/9/2025	178	101,900	-76.61%	6.10	1,190	33.7%	8.44	13.24	56.60	56.60
CVRE2502	5/26/2025	42	217,700	-74.19%	1.70	1,770	30.1%	9.30	5.24	20.30	20.30
CMWG2408	5/14/2025	30	378,800	-87.03%	6.50	140	27.3%	8.35	7.34	56.60	56.60
CACB2506	6/30/2025	77	300	-84.92%	2.74	500	25.0%	11.04	3.74	24.80	24.80
CVIC2407	6/30/2025	77	101,100	-61.78%	4.90	4,340	24.7%	12.95	26.60	69.60	69.60
CVHM2501	5/26/2025	42	1,201,700	-65.82%	4.20	3,070	24.3%	10.60	19.55	57.20	57.20
CMSN2503	10/27/2025	196	452,100	-81.50%	7.50	720	24.1%	10.54	11.10	60.00	60.00
CVRE2407	11/4/2025	204	577,700	-68.28%	1.60	2,420	24.1%	9.37	6.44	20.30	20.30
CVHM2502	10/27/2025	196	48,400	-64.95%	4.50	3,110	23.9%	10.56	20.05	57.20	57.20
CVHM2409	8/14/2025	122	22,200	-62.59%	4.20	3,440	23.7%	10.61	21.40	57.20	57.20
CVRE2406	7/28/2025	105	599,800	-78.03%	1.90	640	23.1%	4.61	4.46	20.30	20.30
CHPG2410	8/14/2025	122	93,700	-79.64%	2.80	590	22.9%	5.65	5.16	25.35	25.35

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 14/04/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVRE2405 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 105.56%. CVHM2501 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.56%.
- CVIC2501, CVIC2405, CVIC2502, CVIC2404, CVHM2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CVHM2504, CVIC2503, CVRE2504 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

 Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn
Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	69.60	6.91%	5.12
MWG	56.60	6.99%	4.29
VHM	57.20	6.92%	3.77
HPG	25.35	4.32%	3.58
MSN	60.00	5.08%	2.24

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
SSB	19.15	-4.25%	-1.50
LPB	33.85	-1.02%	-0.91
VPB	17.30	-0.86%	-0.60
VNM	56.90	-1.04%	-0.46
VCB	59.30	-0.84%	-0.28

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	69.60	6.91%	4.32	3.82
VHM	57.20	6.92%	3.82	4.11
HPG	25.35	4.32%	1.65	6.40
MWG	56.60	6.99%	1.36	1.46
HVN	31.25	6.84%	1.11	2.21

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

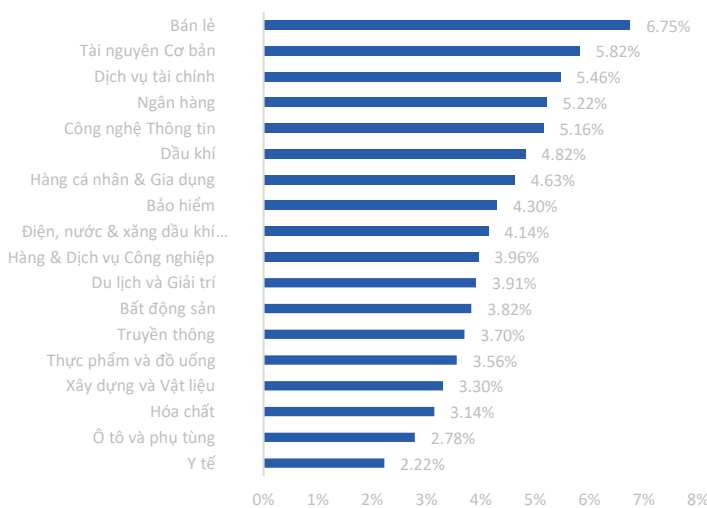
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	221.00	5.04%	1.34	0.20
PVS	25.80	6.61%	0.49	0.48
MBS	27.20	3.42%	0.32	0.57
SHS	14.10	2.92%	0.20	0.81
IDC	38.70	1.57%	0.12	0.33

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MWG	56.60	6.99%	1.36	15.38
GEE	75.00	6.99%	0.38	1.94
CKG	16.15	6.95%	0.03	0.04
DCM	30.80	6.94%	0.27	4.77
VHC	52.40	6.94%	0.19	1.91

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TFC	68.30	9.98%	0.39	0.01
LAS	16.70	9.87%	0.64	1.09
SCI	6.70	9.84%	0.07	0.05
PIA	28.40	9.65%	0.04	0.00
THS	11.40	9.62%	0.01	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	59.30	-0.84%	-0.98	8.36
SSB	19.15	-4.25%	-0.54	2.85
VNM	56.90	-1.04%	-0.29	2.09
VPB	17.30	-0.86%	-0.28	7.93
LPB	33.85	-1.02%	-0.24	2.99

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

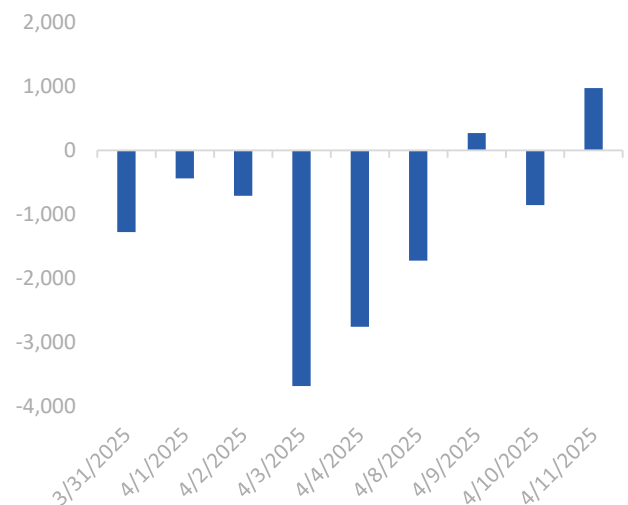
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	12.80	-3.76%	-0.20	0.68
HUT	14.00	-2.10%	-0.16	0.89
PTI	20.00	-6.10%	-0.09	0.12
DHT	85.10	-2.07%	-0.09	0.08
PVI	61.90	-0.80%	-0.07	0.23

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCR	3.06	-6.99%	0.00	0.01
TEG	5.36	-6.94%	-0.01	0.13
SGR	27.60	-6.91%	-0.03	0.42
ADG	9.60	-6.80%	0.00	0.01
DRH	2.08	-6.73%	0.00	1.94

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTP	19.40	-9.77%	-0.08	0.26
HTC	24.60	-9.56%	-0.13	0.01
ALT	12.40	-9.49%	-0.02	0.00
KDM	13.40	-9.46%	-0.03	0.02
PPE	10.60	-9.40%	-0.01	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	56.6	7.0%	1.5	77,313	856.7	2,544	20.8		46.4%	
KBC	Bất động sản	23.8	0.2%	1.7	18,192	266.1	498	47.6		18.8%	
KDH	Bất động sản	27.8	1.1%	1.2	27,806	142.3	863	31.9		36.2%	
PDR	Bất động sản	17.2	0.9%	1.8	14,843	134.8	191	89.1	23,600	8.4%	Link
VHM	Bất động sản	57.2	6.9%	1.0	219,747	1385.5	7,349	7.3	58,200	12.2%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	118.5	0.0%	1.1	174,322	1100.4	5,371	22.1	163,000	41.9%	Link
BSR	Dầu khí	16.7	3.1%	0.0	50,073	65.5	204	79.3		0.3%	
PVS	Dầu khí	25.8	6.6%	1.3	11,567	246.6	2,238	10.8	40,300	16.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	27.3	2.1%	1.7	19,259	433.1	1,571	17.0		42.2%	
SSI	Dịch vụ tài chính	24.1	2.8%	1.5	46,006	873.4	1,536	15.3		36.5%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.3	2.8%	1.5	26,067	422.3	1,537	23.6		29.5%	
DCM	Hóa chất	30.8	6.9%	1.8	15,247	143.5	2,682	10.7	41,100	5.1%	Link
DGC	Hóa chất	89.4	6.9%	1.6	31,749	344.9	7,864	10.6	111,400	15.4%	Link
ACB	Ngân hàng	24.8	-0.2%	0.8	110,996	569.9	3,759	6.6	30,400	29.8%	Link
BID	Ngân hàng	37.0	0.7%	0.9	258,035	129.6	3,637	10.1	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	38.3	-0.3%	0.9	206,208	381.1	4,720	8.1		26.9%	
HDB	Ngân hàng	21.0	1.5%	0.9	72,348	397.3	3,667	5.6		16.9%	
MBB	Ngân hàng	23.5	0.0%	0.9	143,098	740.9	3,729	6.3	26,300	22.1%	Link
MSB	Ngân hàng	11.1	0.5%	1.2	28,730	89.4	2,123	5.2	14,000	27.3%	Link
STB	Ngân hàng	37.8	-0.1%	1.0	71,355	547.7	5,351	7.1		20.9%	
TCB	Ngân hàng	26.6	-0.2%	1.1	187,925	654.4	3,054	8.7	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.1	-1.1%	1.0	34,874	175.1	2,298	5.7	-	23.8%	Link
VCB	Ngân hàng	59.3	-0.8%	0.5	499,669	224.3	4,049	14.8		22.4%	
VIB	Ngân hàng	18.8	0.5%	0.9	55,561	112.4	2,424	7.7	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	17.3	-0.9%	0.9	138,447	543.1	1,989	8.8	25,500	24.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.4	4.3%	1.2	155,429	1399.5	1,879	12.9	37,500	21.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	14.4	-0.7%	1.5	9,004	86.9	935	15.5	22,700	7.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.4	5.2%	1.9	8,383	259.6	2,712	9.2	31,000	1.8%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	60.0	5.1%	1.5	82,130	500.5	1,345	42.5		24.9%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.9	-1.0%	0.5	120,172	323.5	4,494	12.8		49.3%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	34.5	4.86%	2.0	7,211	53.4	2,042	16.1	18.8%	15.9%	Link
FRT	Bán lẻ	151.0	6.41%	1.2	19,333	125.9	2,331	60.9	31.7%	18.1%	
BVH	Bảo hiểm	44.6	1.36%	1.1	32,662	23.2	2,843	15.5	26.7%	9.6%	
DIG	Bất động sản	16.4	-1.50%	1.5	10,154	337.6	188	88.7	2.4%	1.5%	
DXG	Bất động sản	14.5	3.21%	1.5	12,192	272.3	350	40.0	20.7%	2.6%	Link
HDC	Bất động sản	23.5	1.96%	1.4	4,102	83.6	384	59.9	3.0%	3.1%	
HDG	Bất động sản	23.5	6.82%	1.5	7,399	74.7	1,036	21.2	19.7%	5.8%	
IDC	Bất động sản	38.7	1.57%	1.3	12,573	203.8	6,049	6.3	20.5%	37.7%	
NLG	Bất động sản	29.6	1.02%	1.5	11,283	105.0	1,346	21.8	38.1%	5.4%	Link
SIP	Bất động sản	69.0	5.34%	0.0	13,790	112.8	5,584	11.7	6.1%	29.6%	
SZC	Bất động sản	33.1	0.61%	1.6	5,922	106.7	1,809	18.2	3.1%	12.5%	Link
TCH	Bất động sản	17.0	4.29%	1.8	10,892	143.5	1,466	11.1	8.8%	10.8%	Link
VIC	Bất động sản	69.6	6.91%	1.0	248,920	826.0	3,069	21.2	9.3%	9.5%	
VRE	Bất động sản	20.3	4.64%	1.2	44,083	369.5	1,802	10.8	19.3%	10.3%	
CMG	Công nghệ Thông tin	33.6	1.67%	1.1	6,973	27.6	1,478	22.3	36.3%	11.4%	
PLX	Dầu khí	34.9	-1.41%	1.0	44,915	54.9	2,274	15.5	17.6%	11.1%	Link
PVD	Dầu khí	18.9	5.00%	1.4	10,006	108.6	1,255	14.3	8.2%	4.6%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	43.0	0.70%	2.0	13,063	228.5	1,869	22.9	29.8%	14.6%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.2	3.42%	1.8	15,064	173.4	1,583	16.6	7.0%	12.5%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	59.2	1.89%	0.8	136,109	67.4	4,439	13.1	1.7%	16.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11.8	3.98%	1.0	26,463	107.2	475	23.8	3.7%	3.5%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.4	-0.15%	1.0	31,793	34.5	4,237	15.9	49.0%	11.0%	
VJC	Du lịch và Giải trí	85.5	0.12%	0.6	46,254	77.3	2,632	32.4	12.7%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	24.4	6.78%	1.9	19,638	303.1	1,910	12.0	10.6%	12.4%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	46.4	0.76%	1.2	19,329	222.5	4,611	10.0	41.2%	13.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.0	5.88%	1.4	6,625	155.1	4,406	11.6	9.6%	21.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.7	6.90%	1.4	7,227	61.5	3,071	6.6	12.1%	15.1%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	111.7	-0.27%	0.0	13,640	77.2	3,146	35.6	6.8%	24.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	73.7	2.79%	0.9	24,228	138.4	6,300	11.4	47.1%	20.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.6	-3.47%	1.0	3,229	53.8	2,710	11.7	49.9%	13.0%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.7	3.09%	1.3	1,986	31.0	2,568	6.3	16.5%	17.4%	
DPM	Hóa chất	33.5	5.35%	1.5	12,444	128.8	1,374	23.1	8.5%	4.8%	Link
GVR	Hóa chất	26.2	0.77%	2.2	104,000	119.7	997	26.1	0.8%	7.8%	
EIB	Ngân hàng	18.4	3.09%	1.0	33,156	144.0	1,786	10.0	3.6%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	33.9	-1.02%	0.7	102,165	74.6	3,254	10.5	0.8%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	16.4	-2.68%	0.0	23,059	19.2	2,702	6.2	1.8%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	10.7	-0.93%	1.0	26,507	49.8	1,287	8.4	19.3%	10.5%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.3	-1.20%	1.5	5,572	93.7	1,364	9.1	5.4%	8.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.1	6.71%	1.7	3,768	23.3	180	78.8	0.7%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.8	1.44%	0.8	9,516	114.1	1,533	20.4	4.3%	13.4%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.5	1.02%	1.3	62,846	130.5	3,376	14.5	59.4%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	52.4	6.94%	1.3	10,998	99.9	5,463	9.0	24.6%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	124.8	0.00%	1.1	10,216	30.9	12,103	10.3	83.2%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	74.2	0.95%	1.5	7,345	113.0	3,734	19.7	49.0%	4.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	87.0	2.96%	1.5	9,666	70.1	4,705	18.0	8.1%	27.9%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	48.5	2.54%	1.6	2,980	26.9	3,553	13.3	7.5%	11.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	11.7	2.19%	1.5	4,928	89.1	987	11.6	6.9%	4.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.5	2.63%	1.5	7,493	43.2	1,307	16.0	16.3%	8.8%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.7	4.33%	1.6	12,451	268.1	1,548	13.4	6.6%	12.0%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	41.0	6.92%	1.7	17,172	56.9	2,464	15.5	5.7%	13.7%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
3	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
4	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
17	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
22	BSC_ Báo cáo ngành điện		x	Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>